TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **55**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2022
V/v "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG -TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lý văn Lấy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Minh
2. Bà Trần Thị Ngọc Linh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Văn Hồng Lễ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 206/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc: "Ly hôn, nuôi con chung " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60a/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Bích H** – sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn TH, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn T –** sinh năm 1992

Địa chỉ: thôn V, xã V1, huyện T1, tỉnh Bình Thuận.

(có mặt nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 07/02/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị Bích H trình bày: Bà và ông Lê Văn L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (theo giấy chứng nhận kết

hôn số 160, ngày 09/11/2020) trên cơ sơ tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng bà.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung nhà với cha mẹ bà, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến tháng 11 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên cải vả, từ lúc bà mang thai đến khi sinh con ông T không quan tâm đến bà, mà thường xuyên vắng nhà, từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống, không ai liên lạc gì với ai, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt và không thể hàn gắn lại được.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Bà và ông Lê Văn T có 01 con chung là Lê Bảo K, sinh ngày 24/11/2020, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau cháu K là do bà trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến nay, nên bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi trưởng thành, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn T trình bày theo biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2022: Ông và bà Võ Thị Bích H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (theo giấy chứng nhận kết hôn số 160, ngày 09/11/2020 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng ông.

Sau khi cưới, vợ chồng ông sống chung với cha mẹ bà H, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến tháng 11/2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên hay cải nhau về tiền bạc, vì bà H chi tiêu không rõ ràng, từ tháng 11/2021 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, không ai liên lạc gì với ai, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, ông xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng vì ông còn thương con, nên có thể hàn gắn lại được bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà H có 01 con chung là Lê Bảo K, sinh ngày 24/11/2020, hiện nay đang ở với bà H. Nếu Tòa án xử bà H được ly hôn với ông thì ông đồng ý giao con cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1 phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn sự đã thực hiện đúng Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại tòa bị đơn xin xét xử vắng mặt.

Về quan diểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39, 91, 146, Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Bà Võ Thị Bích H được ly hôn với ông Lê văn T.

Về con chung: Giao cháu Lê Bảo K, sinh ngày 24/11/2020 cho bà Võ Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Võ Thị Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình, giải quyết vụ án, ông Lê Văn T đã nhận văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án và có mặt để Tòa án ghi lời khai của ông, nhưng sau đó Tòa án triệu tập để hòa giải và đến khi xét xử thì ông có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã xác định địa chỉ của ông T đúng theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp và tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Lê Văn T, do ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Bích H, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa bà Võ Thị Bích H và Lê Văn T được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Quá trình chung sống là do thường xuyên bất đồng quan điểm, nên vợ chồng

thường xuyên cải nhau, ông T không quan tâm đến vợ con. Đến tháng 11/2021 bà và ông T sống ly thân cho đến nay. Xét thấy tình cảm với ông T không còn nữa, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn lại nên bà xin được ly hôn với ông T

Ông T thì không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H vì theo ông mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, ông còn thương con nên có thể hàn gắn lại được nhưng ông xác nhận mâu thuẫn của vợ chồng xuất phát từ nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải nhau. Đến tháng 11 năm 2021 ông và bà H sống ly thân cho đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng của bà H và ông T không còn nữa, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì ông T và bà H đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 đến nay, từ khi ly thân nhau đến nay ông T không tìm phương án để vợ chồng đoàn tụ, thậm chí mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, xử cho bà H được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Lê Bảo K, sinh ngày 24/11/2020 hiện nay đang ở với bà H, bà H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con trưởng thành, yêu cầu nuôi con của bà H, ông T đồng ý nên ghi nhận, vì vậy giao cháu K cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án. Bà Võ Thị Bích H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Bà Võ Thị Bích H được ly hôn với ông Lê Văn T.

[3] Về con chung: Giao cho bà Võ Thị Bích H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Lê Bảo K, sinh ngày 24/11/2020 cho đến khi con trưởng thành, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà H không được cản trở ông T việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

[4] Về án phí: Bà Võ Thị Bích H phải nộp **300.000đ** (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ tẩm. Bà H đã nộp **300.000đ** (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0003531 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà H đã nộp đủ án phí.

[5] Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Văn Lấy